TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST.
Ngày: 04.01.2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đ. H. L.
2. Ông P. T. L.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HS, ngày 16 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **P. T. M,** tên gọi khác: Lé; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/5/1996, tại: huyện P, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn 1, xã K, huyện P, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: P. V. M (Sinh năm 1969) và bà: N. T. H (Sinh năm 1971); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, TAND tỉnh B xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 102/2018/HS-PT ngày 20/9/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2019, chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 11/8/2021 cho đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

* *Người bị hại đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các bị hại V.H.V, V.H.T và Đ.A.T*:

Bà V.T.K.H - Sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện A, tỉnh B. (*Theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2021, có mặt tại phiên tòa*).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Ông L. T. S - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 588 Trần Hưng Đạo, phường N, TP. Q, tỉnh B. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

P.T.M là đối tượng đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù về không có nghề nghiệp ổn định nên đã tiếp tục tìm nơi sơ hở trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 01/02/2021, P.T.M điều khiển chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 33A1-201.93 của mình không có giấy tờ đi dạo tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà bà V.T.K.H (Sinh năm 1962) ở thôn 2, xã C, huyện A thấy trong nhà bật đèn ngủ mờ, cửa bên hông mở nên P.T.M lén lút trèo qua hàng rào theo lối này đi vào trong nhà. Khi đi đến phòng giữa nhà thấy có một số người đang ngủ, kế bên có 03 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone gồm: 01 Iphone X màu đen của ông V.H.V (Sinh năm 1955 – anh ruột bà V.T.K.H); 01 Iphone 11 promax màu đen của anh V.H.T (Sinh năm 1984 – con ông V.H.V) và 01 Iphone 11 màu xanh của Đ.A.T (Sinh năm 2000 – vợ anh V.H.T) đồng trú tại số 09, đường 54, khu phố 4, phường 5, TP. Đ, TP. T nên P.T.M đã lén lút lấy trộm. Sau đó, P.T.M tiếp tục bật đèn pin từ điện thoại di động của mình thì phát hiện và lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Sony L1 của bà V.T.K.H và 01 ví da của anh V.H.T trên đầu tủ lạnh rồi bỏ ra ngoài. P.T.M điều khiển xe đi khoảng 1km thì dừng lại kiểm tra ví da, lấy đi số tiền 3.000.000[đ] và vứt chiếc ví cùng một số giấy tờ vào bụi cây gần đó rồi tiếp tục lái xe về nhà. Khi về nhà, P.T.M kiểm tra điện thoại Iphone 11 promax và Iphone X không có khóa mật khẩu, còn Iphone 11 màu xanh P.T.M tự bấm thử mật khẩu là bốn số 0 (0000) thì mở được, riêng điện thoại Sony L1 bật không lên nguồn. Thấy trong điện thoại Iphone 11 promax có ứng dụng Ví điện tử Momo, P.T.M đăng nhập thử nhưng không được nên đã thao tác quên mật khẩu trên ứng dụng và lấy mã OTP được gửi về qua số điện thoại di động 0957.444.244 được gắn ngay trong điện thoại Iphone 11 promax của anh V.H.T. Khi đã đăng nhập được vào ứng dụng Ví điện tử Momo, P.T.M

thấy bên trong có 300.000đ, đồng thời có liên kết với tài khoản ngân hàng Vietcombank nên đã chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng qua ví Momo 04 lần với số tiền 17.000.000đ được tổng 17.300.000đ và thực hiện 09 lần giao dịch trong khoảng thời gian từ 02 giờ 11 phút đến 02 giờ 19 sáng cùng ngày 01/02/2021 để nạp đổi qua thẻ card điện thoại hết. Sau đó, P.T.M xóa hết tất cả các dữ liệu cá nhân và vứt thẻ sim trong điện thoại di động.

Trưa ngày 01/02/2021, P.T.M đem bán 01 điện thoại Iphone X, 01 điện thoại Iphone 11 và 01 điện thoại Sony L1 cho anh L.T.S (Sinh năm 1982), là chủ tiệm điện thoại Hưng Thịnh ở số 588 Trần Hưng Đạo, TP. Q. Sau khi kiểm tra thấy tình trạng máy điện thoại bình thường, không có mật khẩu khóa màn hình nên anh L.T.S không nghi ngờ về nguồn gốc điện thoại và đồng ý mua 01 điện thoại Iphone X với giá 6.000.000đ, 01 điện thoại Iphone 11 với giá 10.000.000đ, riêng điện thoại Sony L1 bị hỏng Pin không bán được nên P.T.M bỏ lại tiệm của L.T.S. Sau khi mua hai điện thoại trên, L.T.S đã bán lại cho người khác không thu hồi được. Đối với điện thoại Iphone 11 promax, P.T.M giữ lại dùng một thời gian sau đó bán lại cho người khác được 10.000.000đ và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

* *Hậu quả của vụ án*: Theo Kết luận định giá tài sản ngày 17/8/2021 của Hội đồng định giá tài trong Tố tụng hình sự huyện A: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax có trị giá 16.000.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 trị giá 12.000.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X trị giá 8.000.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Sony L1 trị giá 700.000đ.

Tổng trị giá tài sản và tiền bị P.T.M chiếm đoạt là 57.000.000đ.

* *Về vật chứng vụ án*:

– Cơ quan điều tra Công an huyện A tạm giữ và xử lý trả lại cho người bị hại 01 điện thoại di động hiệu Sony L1.

– Tạm giữ 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius đã qua sử dụng, không có giấy tờ, màu sơn Đỏ-Đen biển kiểm soát 33A1-201.93, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại và đại diện theo ủy quyền của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 57.000.000đ theo trị giá tài sản đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKSPC, ngày 15/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo P.T.M về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P.T.M về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015, để xử phạt bị cáo P.T.M với mức án từ 03 (*Ba*) năm đến 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 11/8/2021. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo P.T.M đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

P.T.M là đối tượng đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng vẫn không chịu khó làm ăn lương thiện để sửa chữa sai lầm của bản thân mà với bản tính lười lao động, P.T.M đã tiếp tục tìm cách trộm cắp tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân. Lợi dụng đêm khuya và sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu, P.T.M đã lén lút trộm cắp tài sản, chiếm đoạt được 04 điện thoại di động, 3.000.000^{đ} tiền mặt và số tiền 17.300.000^{đ} trong ứng dụng Ví điện tử Momo của gia đình bà V.T.K.H ở thôn 2, xã C, huyện A, tỉnh B vào ngày 01/02/2021. Tổng giá trị tài sản và tiền bị cáo chiếm đoạt được là 57.000.000^{đ}.

Hành vi của P.T.M là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa

phương, bản thân P.T.M đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo P.T.M về tội: "*Trộm cắp tài sản*" với tình tiết "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo P.T.M phạm tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo P.T.M mới chấp hành xong bản án phạt tù chưa được xóa án tích nhưng đã tiếp tục phạm tội. Do đó phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P.T.M thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Đối với L.T.S có hành vi mua điện thoại do P.T.M lấy trộm. Tuy nhiên anh L.T.S không biết đây là tài sản do P.T.M phạm tội mà có nên hành vi của L.T.S không cấu thành tội phạm là có cơ sở.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và đại diện theo ủy quyền của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 57.000.000^{đ} theo trị giá tài sản đã chiếm đoạt. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, do đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius đã qua sử dụng, màu sơn Đỏ-Đen biển kiểm soát 33A1-201.93 không có giấy tờ hợp pháp là phương tiện để thực hiện tội phạm, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 147 của BLTTDS năm 2015 buộc bị cáo P.T.M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo P.T.M phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. *Áp dụng:* Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo P.T.M **03 (*Ba*)** năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 11/8/2021.

3. *Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

3.1. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo P.T.M phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại và đại diện theo ủy quyền của những người bị hại bà V.T.K.H 57.000.000đ (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius đã qua sử dụng, màu sơn Đỏ-Đen biển kiểm soát 33A1-201.93, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo P.T.M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST và 2.850.000đ (*Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí DSST sung vào ngân sách nhà nước.

5. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại và đại diện theo ủy quyền của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L